

Kiem

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28779
	Giờ: Ngày 8 tháng 8 năm 12

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Jung Woo, Lee

Ông Trương Phú Chiến

Ông Võ Ngọc Thành

Ông Nguyễn Ngọc Hòa

Ông Jeong Hoon, Cho

Ông Seok Hoon Yang

Ông Phan Văn Thiện

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Ban Giám đốc

Ông Trương Phú Chiến

Ông Phan Văn Thiện

Ông Nguyễn Quốc Hoàng

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Phú Chiến

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Số: 197/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bibica

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 10/08/2012 của Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 30 kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được đền bù theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả thương thảo giá trị đền bù. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, khoản chênh lệch giữa giá trị tổn thất với giá trị được đền bù sẽ được ghi nhận như là khoản chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

Trong số dư khoản phải thu đòi bồi thường PVI nêu trên bao gồm giá trị của các khoản chi phí đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh Pie. Nếu trình bày theo quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam thì toàn bộ giá trị của các khoản đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh Pie cần được trình bày trên khoản mục "Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang" và số dư phải thu PVI sẽ giảm đi tương ứng tại ngày 30/06/2012 là 98.245.990.034 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 94.884.049.036 đồng).

Khoản cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vay 05 tỷ đồng: Tại bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 21/6/2012 của Tòa án quận Tân Bình đã thông qua phán quyết Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết phải trả Công ty cả gốc và lãi với số tiền là 9.052.812.500 VND, tuy nhiên đến ngày 30/06/2012 Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vẫn chưa thanh toán. Tại ngày 30/06/2012, Công ty chưa trích lập thêm dự phòng cho khoản phải thu khó đòi này vào kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, số tiền trích thiếu là 2,5 tỷ đồng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0917/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		334.770.511.890	421.796.982.068
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.852.213.050	60.321.483.966
1. Tiền	111		6.852.213.050	13.321.483.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	47.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.005.378.901	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.380.131.745	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.374.752.844)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.164.576.463	229.704.535.224
1. Phải thu khách hàng	131	7	18.530.260.361	65.068.213.173
2. Trả trước cho người bán	132	8	9.801.757.228	18.346.461.915
3. Các khoản phải thu khác	135	9	149.868.820.045	149.941.936.340
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(3.036.261.171)	(3.652.076.204)
IV. Hàng tồn kho	140	11	134.014.206.140	120.841.420.630
1. Hàng tồn kho	141		135.776.911.609	122.488.395.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.762.705.469)	(1.646.974.976)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.734.137.336	10.929.542.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.764.692.928	2.305.459.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.001.688.468	6.892.554.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	1.076.808.289	411.818.225
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	13	890.947.651	1.319.709.989
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		389.188.555.170	364.401.076.927
I. Tài sản cố định	220		374.286.510.162	344.070.735.249
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	296.554.309.544	309.297.066.544
- Nguyên giá	222		519.070.087.995	514.025.137.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.515.778.451)	(204.728.071.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.414.257.051	1.519.953.635
- Nguyên giá	228		3.613.177.152	3.613.177.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.198.920.101)	(2.093.223.517)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	76.317.943.567	33.253.715.070
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.645.772.300
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	15.398.497.149
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(10.752.724.849)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.902.045.008	15.684.569.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	14.902.045.008	15.684.569.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		723.959.067.060	786.198.058.995

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		176.854.983.104	211.890.762.223
I. Nợ ngắn hạn	310		173.023.573.364	209.357.352.483
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	2.103.247.640	876.135.746
2. Phải trả người bán	312	19	102.847.062.671	92.476.793.641
3. Người mua trả tiền trước	313	20	5.129.931.163	7.059.878.473
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	937.625.710	16.361.521.417
5. Phải trả người lao động	315		4.021.757.068	5.860.481.754
6. Chi phí phải trả	316	22	14.559.985.112	44.855.499.296
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	40.856.295.123	39.735.416.279
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.567.668.877	2.131.625.877
II. Nợ dài hạn	330		3.831.409.740	2.533.409.740
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.973.616.000	1.675.616.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		857.793.740	857.793.740
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		547.104.083.956	574.307.296.772
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	547.104.083.956	574.307.296.772
1. Vốn điều lệ	411		154.207.820.000	154.207.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		302.726.583.351	302.726.583.351
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	317.338.936
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		85.330.469.603	62.102.469.603
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.562.431.382	9.244.431.382
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.723.220.380)	45.708.653.500
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		723.959.067.060	786.198.058.995

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại		
- USD	154.956,93	29.631,66
- EUR	30,55	15.378,63



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Thúc
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

MẪU SỐ B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	số	minh	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		373.826.151.189	391.466.897.120
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.513.906.555	5.281.834.501
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	368.312.244.634	386.185.062.619
4. Giá vốn hàng bán	11	26	280.162.517.592	287.890.751.558
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		88.149.727.042	98.294.311.061
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.836.708.601	9.351.798.475
7. Chi phí tài chính	22	29	562.418.181	6.223.307.819
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	3.516.439.287
8. Chi phí bán hàng	24		77.495.796.197	68.271.905.632
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.438.771.031	19.900.351.671
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		(7.510.549.766)	13.250.544.414
11. Thu nhập khác	31		1.889.185.962	2.145.878.139
12. Chi phí khác	32		441.510.078	378.128.569
13. Lợi nhuận khác (40=30+31-32)	40		1.447.675.884	1.767.749.570
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(6.062.873.882)	15.018.293.984
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	2.407.738.434
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(6.062.873.882)	12.610.555.550
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(393)	818



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Thức
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU SỐ B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(6.062.873.882)	15.018.293.984
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	17.961.447.203	17.833.275.586
- Các khoản dự phòng	3	(1.878.056.545)	624.445.100
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	(6.502.297.475)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.260.364.786)	3.516.439.287
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	8.760.151.990	30.490.156.482
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	52.822.050.879	45.161.343.907
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(13.288.516.003)	(16.372.497.855)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(35.800.563.455)	(58.783.765.749)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.323.290.534	(3.502.496.347)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(3.561.425.386)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.642.510.431)	(317.219.861)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.975.616.000	853.387.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.584.469.663)	(403.343.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.565.049.851	(6.435.861.444)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(47.152.294.541)	(6.753.832.336)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150.219.877.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	190.219.877.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	18.365.404	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.264.431.288	7.478.792.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.869.497.849)	40.724.960.621
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.432.134.564	4.422.928.670
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(205.022.670)	(20.625.982.341)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.382.025.600)	(15.438.290.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.154.913.706)	(31.641.343.671)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(53.459.361.704)	2.647.755.506
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	60.321.483.966	89.081.437.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.909.215)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.852.213.047	91.729.193.009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và cổ tức chưa thanh toán cho chủ sở hữu với số tiền lần lượt là 884.604.580 VND và 122.974.400 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Trương Phú Chiến

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Kim Phụng

Kế toán trưởng

Vũ Văn Thúc

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bibica (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 234/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ từ việc cổ phần hóa ba phần xưởng: bánh, kẹo, nha thuộc Công ty Đường Biên Hòa, Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 059167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/1/1999, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lại lần thứ hai ngày 05/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009 là: 154.207.820.000 VND.

Danh sách cổ đông sáng lập:

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	250.000	2.500.000.000	2,32
Trần Xuân Trình	48.000	480.000.000	0,45
Phạm Thị Sum	45.000	450.000.000	0,42
Phan Văn Thiện	32.000	320.000.000	0,30
Nguyễn Văn Lộc	26.500	265.000.000	0,25
Lê Thị Kim Hoa	10.500	105.000.000	0,10
Trần Văn Lịch	10.110	101.100.000	0,09
Hoàng Thọ Vĩnh	10.000	100.000.000	0,09
Cộng	432.110	4.321.100.000	4,02

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 2.014 người (Tại ngày 31/12/2011 là 2.190 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán các sản phẩm: đường, bánh, kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty); Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc tại thời điểm 30/6/2012 như sau:

- Nhà máy Bibica Biên Hòa.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
- Nhà máy Bibica Hà Nội.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Quận Long Biên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Công ty có các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, tỉnh Bình Dương	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng, sữa, các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành; Sản xuất nước giải khát, bột giải khát; Mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát.
Công ty Bibica Miền Bắc TNHH	Khu Công nghiệp Phố Mới A, tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng; Sản xuất kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành; Sản xuất kinh doanh nước giải khát, bột giải khát.

Sự kiện ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Ngày 5/6/2012, Công ty đã có Công văn số 00577/BBC gửi PVI đề nghị thanh toán số tiền bảo hiểm là 139.106.378.308 đồng. Trong năm 2011, PVI đã tạm ứng tiền cho Công ty khắc phục sự cố là 35 tỷ đồng. Số tiền thu thanh lý tài sản, hàng hóa bị tổn thất đến ngày 30/6/2012 là 2.136.977.504 đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được đền bù theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Kỳ kế toán này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Lotte Confectionery Co., Ltd. do Công ty này nắm giữ 30,15% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông do Công ty này nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Bibica Miền Bắc TNHH do Công ty này nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính kỳ này vẫn được trình bày theo giá gốc. Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cùng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (theo thời điểm). Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Năm 2012 (Số năm khấu hao)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 12
Tài sản khác	4 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không trích khấu hao. Ngoài ra, tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ trong thời hạn từ 3 năm đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, phí tư vấn, công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 46221000580 ngày 7/8/2008 thì Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con Công ty Cổ phần Bibica) được hưởng ưu đãi đầu tư đối với thu nhập từ dây chuyền sản xuất Layer Cake, hưởng mức thuế suất 15% trong vòng 12 năm. Công ty được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake.

Các loại thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	403.354.776	463.496.892
Tiền gửi ngân hàng	6.448.858.274	12.857.987.074
Các khoản tương đương tiền	-	47.000.000.000
Cộng	6.852.213.050	60.321.483.966

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	15.380.131.745	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(9.374.752.844)	-
Cộng	6.005.378.901	-

Ghi chú: Công ty có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ trong năm 2012 để tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày toàn bộ số dư các khoản đầu tư chứng khoán đang nắm giữ là khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Dự phòng giảm giá (VND)
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh				
Công ty Cổ phần Đá Hóa An	15.750	684.881.000	173.250.000	511.631.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đồ Thành	90.771	2.305.557.334	826.016.101	1.479.541.233
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Thành	2	71.672	85.000	(13.328)
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển	3.330	273.092.000	80.586.000	192.506.000
Công ty Cổ phần HAPACO	26.045	766.727.922	151.061.000	615.666.922
Công ty Cổ phần Bao bì Mỹ Châu	41.052	975.259.756	607.569.600	367.690.156
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	8.400	645.430.500	86.520.000	558.910.500
Công ty Cơ điện lạnh Sài Gòn	74.998	4.383.221.256	1.184.968.400	3.198.252.856
Công ty Cổ phần dệt may Thành Công	8.842	164.448.732	76.925.400	87.523.332
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	41.930	1.681.341.799	930.846.000	750.495.799
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội				
Ngân hàng TMCP Á Châu	2	99.774	51.400	48.374
Thị trường OTC				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	50.000	3.500.000.000	1.887.500.000	1.612.500.000
		15.380.131.745	6.005.378.901	9.374.752.844

Ghi chú: Dự phòng giảm giá cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được lập trên phân chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị trường được công bố tại ngày 30/6/2012 trên trang web của Công ty Cổ phần Chứng khoán ACB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	17.392.958.416	64.687.473.753
Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan	1.137.301.945	380.739.420
Cộng	18.530.260.361	65.068.213.173

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	9.801.757.228	18.346.461.915
Cộng	9.801.757.228	18.346.461.915

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu công đoàn công ty (thu hồi cổ phiếu CBCNV nghỉ việc)	393.975.000	385.775.000
Phải thu lãi tài khoản tiền gửi	-	257.277.778
Phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu BHXH	-	1.165.908.874
Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất	1.597.288.797	847.482.165
Phải thu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (**)	139.106.378.308	140.131.991.936
Phải thu khác	3.771.177.940	2.153.500.587
Cộng	149.868.820.045	149.941.936.340

Ghi chú: (*) Khoản cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vay 05 tỷ đồng: Tại bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 21/6/2012 của Tòa án quận Tân Bình đã thông qua phán quyết Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết phải trả Công ty cả gốc và lãi với số tiền là 9.052.812.500 VND, tuy nhiên đến ngày 30/06/2012 Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vẫn chưa thanh toán. Công ty đang làm công văn đề nghị tòa án thực hiện bản án nêu trên đối với Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết.

()** Chi tiết như sau:

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giá trị hàng tồn kho tổn thất do hỏa hoạn	2.894.049.058	4.978.627.999
Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của tài sản, hàng hóa tổn thất do hỏa hoạn	-	2.302.975.685
Giá trị còn lại của tài sản cố định hư hỏng nằm trong danh mục bảo hiểm	37.966.339.216	37.966.339.216
Chi phí khôi phục dây chuyền bánh Pie	98.245.990.034	94.884.049.036
Cộng	139.106.378.308	140.131.991.936

Ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được đền bù theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng	536.261.171	1.152.076.204
Dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	3.036.261.171	3.652.076.204

Ghi chú: (*) Mặc dù đã có phán quyết cuối cùng của Tòa án, tuy nhiên đến nay Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vẫn chưa thanh toán đồng nào của khoản nợ vay 05 tỷ đồng như trình bày tại thuyết minh số 9. Công ty mới chỉ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 2,5 tỷ đồng cho khoản phải thu này.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	323.425.736	327.392.367
Nguyên liệu, vật liệu	62.164.738.184	61.502.745.106
Công cụ, dụng cụ	1.178.891.814	1.304.757.860
Chi phí SX, KD dở dang	3.649.620.304	789.218.650
Thành phẩm	40.984.871.790	30.938.504.848
Hàng hóa	27.475.363.781	27.625.776.775
Cộng giá gốc hàng tồn kho	135.776.911.609	122.488.395.606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.762.705.469)	(1.646.974.976)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	134.014.206.140	120.841.420.630

Trong kỳ, Công ty đã trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền lần lượt là 671.316.181 VND và 555.585.625 VND.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	462.041.632	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	614.766.657	411.818.225
Cộng	1.076.808.289	411.818.225

13. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	256.448.531	255.998.679
Tạm ứng	634.499.120	1.063.711.310
Cộng	890.947.651	1.319.709.989

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN/HN**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	81.192.094.567	409.868.995.087	15.438.218.624	7.342.134.299	183.695.159	514.025.137.736
- Mua trong kỳ	130.935.653	551.090.533	-	-	-	682.026.186
- Chuyển từ XDCB sang	1.621.519.540	-	-	2.788.617.733	-	4.410.137.273
- Thanh lý, nhượng bán	-	(47.213.200)	-	-	-	(47.213.200)
Tại ngày 30/06/2012	82.944.549.760	410.372.872.420	15.438.218.624	10.130.752.032	183.695.159	519.070.087.995
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	28.395.922.566	162.783.897.999	7.837.887.617	5.665.135.158	45.227.852	204.728.071.192
- Khấu hao trong kỳ	5.239.389.468	10.785.959.232	974.753.922	818.702.291	12.049.044	17.830.853.957
- Thanh lý, nhượng bán	-	(43.146.698)	-	-	-	(43.146.698)
Tại ngày 30/06/2012	33.635.312.034	173.526.710.533	8.812.641.539	6.483.837.449	57.276.896	222.515.778.451
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	52.796.172.001	247.085.097.088	7.600.331.007	1.676.999.141	138.467.307	309.297.066.544
Tại ngày 30/06/2012	49.309.237.726	236.846.161.887	6.625.577.085	3.646.914.583	126.418.263	296.554.309.544

Tại ngày 30/06/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 78.697.669.144 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	256.080.000	3.357.097.152	3.613.177.152
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	256.080.000	3.357.097.152	3.613.177.152
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	2.093.223.517	2.093.223.517
Khấu hao trong kỳ	-	130.593.246	130.593.246
Giảm khác trong kỳ	-	(24.896.662)	(24.896.662)
Tại ngày 30/06/2012	-	2.198.920.101	2.198.920.101
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	256.080.000	1.263.873.635	1.519.953.635
Tại ngày 30/06/2012	256.080.000	1.158.177.051	1.414.257.051

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án Công ty Bibica Miền Bắc TNHH (*)	29.187.993.342	29.065.929.794
Dự án xử lý nước thải Nhà máy Bibica Biên Hòa	-	3.660.129.728
Dự án SAP	2.250.134.830	527.655.548
Dự án kẹo Lolipop	2.087.800	-
Dự án tăng năng suất kẹo dẻo	171.389.237	-
Dự án khắc phục sự cố hỏa hoạn dây chuyền Chocopie (**)	44.706.338.358	-
Cộng	76.317.943.567	33.253.715.070
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu kỳ	33.253.715.070	35.120.524.827
Tăng trong kỳ	47.474.365.770	6.775.088.411
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4.410.137.273)	(8.476.573.168)
Giảm khác	-	(165.325.000)
Số dư cuối kỳ	76.317.943.567	33.253.715.070

Ghi chú: (*) Khoản đầu tư vào Công ty Bibica Miền Bắc TNHH do Công ty đầu tư đang trong giai đoạn triển khai xây dựng dở dang. Công ty sẽ bàn giao toàn bộ giá trị xây dựng nhà máy này cho Công ty Bibica Miền Bắc TNHH quản lý và sử dụng khi dự án xây dựng nhà máy hoàn tất trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

(**) Như trình bày tại thuyết minh số 9 phần thuyết minh báo cáo tài chính vào ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Công ty đã tiến hành đầu tư lại dây chuyền sản xuất bánh Pie với giá trị đầu tư đến ngày 30/06/2012 là 142.952.328.392 đồng, trong đó Công ty đang trình bày trên khoản mục "Phải thu khác" số tiền là 98.245.990.034 VND và giá trị còn lại là 44.706.338.358 VND đang được trình bày trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" này (trong giá trị còn lại này đã bao gồm số tiền 2.084.578.941 VND là chênh lệch giữa giá trị hàng tồn kho tổn thất do hỏa hoạn thực tế là 4.978.627.999 VND và giá trị hàng hóa đã mua bảo hiểm Công ty đang trình bày trên khoản mục phải thu Công ty bảo hiểm PVI thành phố Hồ Chí Minh là 2.894.094.058 đồng).

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền thuê đất tại KCN Sài Đồng B	1.838.288.140	1.901.452.075
Phí tư vấn	84.125.006	182.271.670
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.358.171.465	1.020.273.029
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.876.586.928	2.424.658.262
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Bình Dương	8.437.466.342	8.557.146.715
Chi phí thuê đất tại Bibica Miền Đông	806.992.238	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	500.414.889	1.598.767.627
Cộng	14.902.045.008	15.684.569.378
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu kỳ	15.684.569.378	13.268.206.363
Tăng	1.144.890.674	2.782.052.459
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.927.415.044)	(365.689.444)
Số dư cuối kỳ	14.902.045.008	15.684.569.378

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn (*)	2.103.247.640	876.135.746
Cộng	2.103.247.640	876.135.746

Ghi chú: (*) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay cá nhân cán bộ công nhân viên kỳ hạn dưới 1 tháng và có thể rút gốc bất cứ lúc nào, lãi suất là 0,98%/tháng

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả ngắn hạn cho người bán	102.847.062.671	92.476.793.641
Cộng	102.847.062.671	92.476.793.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	5.129.931.163	7.059.878.473
Cộng	5.129.931.163	7.059.878.473

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	695.812.630	10.786.594.575
Thuế xuất, nhập khẩu	241.813.080	2.394.458.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.180.468.799
Cộng	937.625.710	16.361.521.417

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí marketing	2.974.574.003	11.291.490.547
Quỹ lương bổ sung	4.155.982.335	12.486.166.852
Lương bộ phận bán hàng	2.639.024.090	4.310.510.548
Hoa hồng, thưởng doanh số	606.611.258	5.502.704.985
Chi phí vận chuyển	1.796.763.594	5.918.738.344
Tiền điện, nước	405.690.025	268.385.520
Thù lao Hội đồng quản trị	-	150.000.000
Phí kiểm toán	95.000.000	-
Chi phí ăn ca	-	-
Chi phí thuê mặt bằng, trưng bày	1.633.994.122	3.603.890.745
Chi phí xử lý nước thải	-	741.440.704
Chi phí phải trả khác	252.345.685	582.171.051
Cộng	14.559.985.112	44.855.499.296

23. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	298.371.936	253.139.329
Kinh phí công đoàn	821.177.672	736.045.340
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	799.628.594	1.142.570.093
Cổ tức phải trả	122.974.400	97.623.000
Công ty Bảo hiểm PVI ứng trước tiền bồi thường (*)	35.000.000.000	35.000.000.000
Các khoản thu từ bán thanh lý hàng hóa, tài sản (*)	2.136.977.504	1.925.805.685
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.677.165.017	580.232.832
Cộng	40.856.295.123	39.735.416.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú: (*) Như trình bày tại thuyết minh số 9, phần thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Trong năm 2011, PVI đã tạm ứng tiền cho Công ty để khắc phục sự cố là 35 tỷ đồng. Số tiền thu thanh lý tài sản, hàng hóa bị tổn thất đến ngày 30/6/2012 là 2.136.977.504 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2010	154.207.820.000	302.726.583.351	(543.191.032)	39.909.445.831	7.155.431.382	41.117.533.196	544.573.622.728
Trích lập các quỹ	-	-	-	22.193.023.772	2.089.000.000	(26.371.023.772)	(2.089.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.407.192.000)	(15.407.192.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	46.369.336.078	46.369.336.078
Tăng khác	-	-	860.529.968	-	-	-	860.529.968
Số dư tại 31/12/2011	154.207.820.000	302.726.583.351	317.338.936	62.102.469.603	9.244.431.382	45.708.653.502	574.307.296.774
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	23.228.000.000	2.318.000.000	(27.864.000.000)	(2.318.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(18.505.000.000)	(18.505.000.000)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(6.062.873.882)	(6.062.873.882)
Giảm khác	-	-	(317.338.936)	-	-	-	(317.338.936)
Số dư tại 30/06/2012	154.207.820.000	302.726.583.351	-	85.330.469.603	11.562.431.382	(6.723.220.380)	547.104.083.956

Ghi chú: (*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 24/3/2012, Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức năm 2011 (12% mệnh giá) với số tiền lần lượt là 23.228.000.000 VND, 2.318.000.000 VND, 2.318.000.000 VND và 18.505.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn đã góp tại 30/06/2012 VND	Vốn đã góp tại 31/12/2011 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Lotte Hàn Quốc	46.500.000.000	46.500.000.000	30,2
Cổ đông khác	107.707.820.000	107.707.820.000	69,8
	154.207.820.000	154.207.820.000	100,0

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

25. DOANH THU BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	373.826.151.189	391.466.897.120
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.513.906.555	5.281.834.501
- Hàng bán bị trả lại	5.513.906.555	5.281.834.501
Doanh thu thuần bán hàng	368.312.244.634	386.185.062.619

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn hàng hóa	280.162.517.592	287.890.751.558
Cộng	280.162.517.592	287.890.751.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	259.126.992.247	204.563.632.982
Chi phí nhân công	66.603.130.929	54.917.586.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.057.017.226	17.597.430.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.706.444.740	60.765.219.866
Chi phí khác bằng tiền	1.494.441.523	3.307.497.479
Cộng	411.988.026.665	341.151.367.803

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.020.509.072	6.502.297.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	301.699.809	1.041.301.038
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.527.716	1.808.199.962
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.377.972.004	-
Cộng	2.836.708.601	9.351.798.475

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	3.516.439.287
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	379.997.433
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.552.404	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	551.865.777	1.702.425.999
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	624.445.100
Cộng	562.418.181	6.223.307.819

30. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.062.873.882)	12.610.555.550
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	15.420.782	15.420.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(393)	818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(6.062.873.882)	15.018.293.984
Công ty Cổ phần Bibica	(5.942.171.809)	10.672.254.775
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	(121.241.028)	4.346.039.209
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	564.199.809	1.041.301.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	301.699.809	1.041.301.038
Hoàn nhập khoản trích lập dự phòng giảm giá SABECO	262.500.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	673.015.203	-
Thu nhập chịu thuế	(5.954.597.443)	13.976.992.946
Công ty Cổ phần Bibica	(5.833.356.415)	9.630.953.737
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	(121.241.028)	4.346.039.209
Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế	4.448.851.615	8.001.941.186
Thu nhập từ hoạt động không được ưu đãi thuế	(4.570.092.643)	(3.655.901.977)
Thu nhập được miễn thuế TNDN	4.448.851.615	4.000.970.593
Công ty Cổ phần Bibica	-	-
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (*)	4.448.851.615	4.000.970.593
Thu nhập xác định chi phí thuế TNDN hiện hành	(5.954.597.443)	3.605.686.931
Công ty Cổ phần Bibica	(5.833.356.415)	9.630.953.737
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	(121.241.028)	(6.025.266.806)
Phần thu nhập chịu thuế theo mức thuế suất ưu đãi 15%	4.448.851.615	4.000.970.593
Phần thu nhập chịu thuế thông thường	(4.570.092.643)	(3.655.901.977)
Chuyển lỗ của năm 2010 từ hoạt động không được ưu đãi thuế	-	(6.370.335.422)
Chuyển lỗ của năm 2011 từ hoạt động không được ưu đãi thuế	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế cho năm hiện hành	-	2.407.738.434
Công ty Cổ phần Bibica	-	2.407.738.434
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.407.738.434

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, trong năm Công ty xác định lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 46221000580 ngày 7/8/2008 thì Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con Công ty Cổ phần Bibica) được hưởng ưu đãi đầu tư đối với thu nhập từ dây chuyền sản xuất Layer Cake, hưởng mức thuế suất 15% trong vòng 12 năm. Công ty được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động còn lại. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm sản xuất, kinh doanh bán lẻ.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2012

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	242.178.964.903	126.133.279.731	368.312.244.634
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	9.034.897.188	(15.097.771.070)	(6.062.873.882)
3. Chi phí khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	18.311.826.850	1.577.035.397	19.888.862.247
4. TSCĐ và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	52.566.529.229	-	52.566.529.229
5. Nợ phải trả	108.726.579.911	68.128.403.193	176.854.983.104
6. Tổng tài sản	670.928.434.937	53.030.632.123	723.959.067.060

Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2011

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	249.490.211.124	136.694.851.495	386.185.062.619
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	31.302.640.944	(18.692.085.394)	12.610.555.550
3. Chi phí khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	19.661.166.407	900.305.116	20.561.471.523
4. TSCĐ và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	9.359.568.707	-	9.359.568.707
5. Nợ phải trả	107.089.878.830	9.791.498.337	116.881.377.167
6. Tổng tài sản	529.872.355.875	153.773.606.358	683.645.962.233

Doanh thu bán hàng của bộ phận miền Nam bao gồm doanh số bán hàng trong khu vực từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Cà Mau. Doanh thu bán hàng của bộ phận miền Bắc bao gồm doanh số bán hàng từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra các tỉnh phía Bắc.

Tài sản và công nợ của bộ phận kinh doanh miền Nam bao gồm tài sản và công nợ của Nhà máy Bibica Biên Hòa, Nhà máy Bibica Miền Đông và văn phòng Công ty. Tài sản và công nợ của bộ phận kinh doanh miền Bắc bao gồm tài sản và công nợ của Nhà máy Bibica Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Công ty Lotte Confectionery Co., Ltd.		
Doanh thu bán hàng	4.575.123.615	29.478.814.972
Mua hàng hóa	7.091.247	483.177.300
	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Lotte Confectionery Co., Ltd.		
Phải thu	1.137.301.945	380.739.420

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	708.600.300	632.179.700
Thù lao Hội đồng Quản trị	615.000.000	180.000.000
Cộng	1.323.600.300	812.179.700

34. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, dây chuyền sản xuất bánh Pie đã đi vào hoạt động trở lại với giá trị đã đầu tư đến ngày 30/06/2012 là 142.952.328.392 đồng. Tuy nhiên, một số phần công việc đã hoàn thành nhưng chưa phát hành hóa đơn so với giá trị trên các hợp đồng là khoảng 13,7 tỷ đồng. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các nhà thầu để quyết toán và ghi nhận đầy đủ công nợ phải trả đồng thời ghi tăng giá trị đầu tư tài sản dây chuyền sản xuất bánh Pie mới trong thời gian tới.

35. DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY BIBICA MIỀN BẮC

Hiện tại dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc đang trong giai đoạn đầu tư, một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- Địa điểm thực hiện dự án: Đường 206, khu B, khu Công nghiệp phước nổi A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Tổng số vốn đầu tư đăng ký: 265 tỷ đồng;
- Thời gian thực hiện dự án: Từ ngày 25/10/2007 đến ngày 15/01/2054;
- Thời gian dự kiến đi vào hoạt động: Tháng 12/2012;
- Chi phí đầu tư lũy kế đến 30/6/2012 là 29.187.993.342 đồng trong đó chủ yếu là tiền thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên bảng câu đối kế toán hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Riêng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác.



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Ngô Thị Kim Phụng.

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Vũ Văn Thúc.

Vũ Văn Thúc
Người lập